

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-01-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu Vân

Bà Lê Ngọc Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2020; Thông báo số 153/TB-TA ngày 20/7/2021 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị Thu T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Quang D (Huỳnh D)**, sinh năm 1972; Quốc tịch: Hoa Kỳ.

Địa chỉ: Venice V, U.S.A

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Thị Thu T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Vào tháng 5/2012, chị và anh Huỳnh Quang D (Huỳnh D) quen biết nhau thông qua bạn bè, chị và anh D dần phát sinh quan hệ tình cảm và tự nguyện đến với nhau. Đến tháng 11/2013, anh D về Việt Nam để đăng ký kết hôn với chị, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 860/UBT ngày 12/12/2013. Chị và anh D có tổ chức

buổi tiệc gia đình nhỏ nhưng không tổ chức đám cưới do giữa chị và anh D khác biệt về tôn giáo, anh D vì lý do gia đình nên không thể theo đạo Công giáo của chị được nên giữa chị và gia đình chị thường phát sinh mâu thuẫn, cũng từ đó giữa chị và anh D chung sống không được vui vẻ, hạnh phúc. Cuối năm 2013, anh D trở về Hoa Kỳ sinh sống. Thời gian đầu, anh, chị vẫn thường xuyên liên lạc nhưng sau đó do khác biệt về lối sống và bất đồng quan điểm nên chị và anh D thường xuyên cãi vã dẫn đến không còn liên lạc với nhau.

Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh Huỳnh Quang D (Huỳnh D) nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có kiến hồi đáp nên không có lời khai.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Vũ Thị Thu T và anh Huỳnh Quang D (Huỳnh D) là quan hệ hôn nhân hợp pháp do anh, chị tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn năm 2013 nên được pháp luật thừa nhận bảo vệ.

Theo chị T trình bày, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Từ đó, anh Huỳnh Quang D (Huỳnh D) sống ở Hoa Kỳ không liên lạc hay quay về tìm chị nữa. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được và tình cảm vợ chồng không còn nên chị T làm đơn xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thực hiện ủy thác tư pháp và thủ tục niêm yết thông báo tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ cho anh Huỳnh Quang D (Huỳnh D) biết vụ kiện ly hôn giữa anh và chị T nhưng đến nay vẫn chưa nhận được ý kiến phản hồi bằng văn bản từ phía anh Huỳnh Quang D (Huỳnh D), điều đó cho thấy anh Huỳnh Quang D (Huỳnh D) không còn muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng này, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Vũ Thị Thu T khởi kiện xin ly hôn anh Huỳnh Quang D (Huỳnh D), anh D đang sinh sống tại Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Huỳnh Quang D (Huỳnh D) đã được tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua việc thực hiện các thủ tục tổng đạt cho Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hòa Kỳ, nhưng đến nay chưa nhận được văn bản trả lời của anh Huỳnh Quang D (Huỳnh D). Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Huỳnh Quang D (Huỳnh D) xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 860/UBT theo đăng ký ngày 12/12/2013, là hôn nhân hợp pháp nên chị T được quyền xin ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Theo chị T trình bày, sau khi kết hôn thì cả hai phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng không còn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo của Tòa án cho anh Huỳnh Quang D (Huỳnh D) biết vụ kiện ly hôn giữa anh và chị T nhưng đến nay vẫn chưa nhận được ý kiến phản hồi bằng văn bản từ phía anh D, điều đó cho thấy anh D không còn muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng này. Do vậy, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho ly hôn giữa chị T và anh Huỳnh Quang D (Huỳnh D).

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 37, 147, 227, 228, 238, 469, 470, 474 và 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 85, 89, 91, 102 và 104 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị Thu T đối với anh Huỳnh Quang D (Huỳnh D).

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị Thu T và anh Huỳnh Quang D (Huỳnh D).

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và Giấy chứng nhận kết hôn số 860/UBT do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp theo đăng ký ngày 12/12/2013 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003635 ngày 10/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Chị Vũ Thị Thu T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm ngày) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Anh Huỳnh Quang D (Huỳnh D) được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Hưng